

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 9 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị G và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thanh Hùng.

Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duân là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị G, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: 233 ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: 23-25/13 LT, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- *Bi đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: 233 ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị G trình bày: Về hôn nhân: Chị G và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn. Chị G và anh L chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L ghen Chị G ngoại tình với người đàn ông khác, dẫn đến Chị G và anh L thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột, không có tiếng nói chung, anh L thường xuyên đánh đập Chị G, có nhiều lời nói không tôn trọng gia đình bên vợ, đánh cha, mẹ vợ, dẫn đến Chị G không còn chung sống với anh L từ đầu năm 2017 đến nay. Do đó Chị G yêu cầu được ly hôn anh L. Về con chung: Chị G và anh L có 02 con chung tên Võ Thị M, sinh ngày 27/3/1999 và Võ Thị P, sinh ngày

02/11/2001, cháu P đang do Chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị G yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu P. Đối với cháu M đã trưởng thành, muốn sống với Chị G hay anh L là tùy cháu M và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Về chia tài sản và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/8/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Về hôn nhân: Anh L và Chị G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay không đăng ký kết hôn đúng như Chị G trình bày. Anh L và Chị G chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014, thì phát sinh mâu thuẫn do Chị G bỏ nhà đi và không chịu về nhà, dẫn đến anh L và Chị G thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột, không có tiếng nói chung, anh L thừa nhận có đánh Chị G do không kiềm chế được bản thân, có lời nói không tôn trọng gia đình bên vợ, không có đánh cha, mẹ vợ. Chị G không còn chung sống với anh L từ đầu năm 2017 đến nay. Nay anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị G, yêu cầu Chị G đoàn tụ gia đình để cùng lo cho 02 con chung. Về con chung: Anh L đồng ý anh L và Chị G có 02 con chung đúng như Chị G trình bày, cháu P đang do Chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh L đồng ý để cháu P cho Chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi cháu P. Còn cháu M đã trưởng thành, muốn sống với Chị G hay anh L là tùy cháu M và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ: Anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Võ Thị G xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Chị G và anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh L có địa chỉ cư trú tại số 233 ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Việc chị Võ Thị G và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị G và anh Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị G và anh L có 02 con chung tên Võ Thị M, sinh ngày 27/3/1999 và Võ Thị P, sinh ngày 02/11/2001, cháu P đang do Chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu M đã trưởng thành, muốn sống với Chị G hay anh L là tùy cháu M và người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Đối với cháu P, đang do Chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị G yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; anh L cũng đồng ý để cháu P cho Chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi cháu P, đồng thời cháu P cũng có nguyện vọng được sống với Chị G. Xét thấy sự tự thỏa thuận của Chị G với anh L và nguyện vọng của cháu P phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao cháu P cho Chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, Chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, theo quy định tại Điều 15 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị G và anh L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị G và anh L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn L, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nên anh L phải gánh chịu mọi hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị G và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Võ Thị P, sinh ngày 02/11/2001 cho chị Võ Thị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

2.3. Sau khi ly hôn, Chị G cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
5. Về án phí:

Chị Võ Thị G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 16531 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (Chị G đã nộp đủ án phí).

6. Chị G có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CC.THADS Huyện;
- UBND xã Đ;
- Đ/s: G, L;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến